

Số: 131/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2015
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội khóa XIII về phát hành bổ sung và phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016;

Căn cứ Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2015 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Nguyên tắc bố trí vốn:

1. Vốn trái phiếu Chính phủ bố trí để đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã theo đúng mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ưu tiên vốn hỗ trợ cho:

a) Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; các xã nghèo thuộc: Huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo

quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; các huyện miền núi của các tỉnh giáp Tây Nguyên, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các vùng còn lại.

Các xã nghèo được hỗ trợ theo đúng tinh thần Nghị quyết Quốc hội số 65/2013/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội khóa XIII.

- b) 8 xã điểm theo chỉ đạo của Trung ương.
- c) Các xã phấn đấu đạt chuẩn giai đoạn 2014-2016.

3. Mức bố trí vốn hỗ trợ đầu tư:

a) Mức bố trí vốn hỗ trợ đầu tư bình quân cho các xã quy định tại điểm a, b, khoản 2 Điều này tối thiểu gấp 02 lần cho các xã không thuộc đối tượng ưu tiên. Đối với các địa phương bố trí kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014 chưa đúng Nghị quyết số 65/2013/QH ngày 28/11/2013 của Quốc hội và Quyết định số 195/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phải điều chỉnh bố trí năm 2015 bù lại để đảm bảo thực hiện Nghị quyết Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Mức bố trí vốn hỗ trợ đầu tư bình quân cho các xã quy định tại điểm c khoản 2 Điều này gấp khoảng 1,6 lần cho các xã không thuộc đối tượng ưu tiên.

c) Mức bố trí vốn cụ thể của cho từng xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Quyết định này.

Điều 3

1. Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định giao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2015 kèm chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trước ngày 27 tháng 01 năm 2015; đồng thời thu hồi số vốn các địa phương đã ứng trước kế hoạch năm 2015 theo văn bản số 2230/TTg-KTTH ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng Nghị quyết số 65/2013/QH13 của Quốc hội và các quy định của Chương trình.

b) Tổng hợp báo cáo, phổ biến thông tin kết quả thực hiện Chương trình, dự án cho các cơ quan liên quan ở cấp Trung ương và địa phương.

c) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo đúng các quy định hiện hành về quản lý, điều hành thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về số liệu các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015, các xã đăng ký đạt từ 15-18 tiêu chí đến cuối năm 2015 và căn cứ tính mức vốn phân bổ cho từng địa phương.

đ) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính tổng hợp kết quả việc phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2015 của các địa phương; có ý kiến với những địa phương phân bổ vốn chưa đúng quy định (nếu có) và báo cáo kết quả với Thủ tướng Chính phủ.

3. Giao Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi cho các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về tình hình giải ngân nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đã được giao cho các địa phương.

4. Căn cứ kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ được giao, các nguyên tắc quy định tại Điều 2 và tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Xây dựng phương án phân bổ dự toán chi Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2015 trên cơ sở rà soát kết quả phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014 đảm bảo đúng tinh thần Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội khóa XIII, đúng đối tượng và mức hỗ trợ quy định tại Quyết định số 195/QĐ-TTg ngày 25/01/2014; Báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thẩm định trước khi thực hiện trước ngày 01 tháng 02 năm 2015 và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất; Báo cáo kết quả phân bổ vốn thực hiện Chương trình năm 2015 gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, trước ngày 28 tháng 02 năm 2015.

b) Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn, bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai Chương trình, bảo đảm hiệu quả đầu tư.

Điều 4. Thời gian thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Các Bộ trưởng: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Đoàn ĐB Quốc hội các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: KGVX, KTN, V.III, TH, TKBT;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). 300

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ Lục

BỘ VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ KẾ HOẠCH NĂM 2015

CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2015

của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tỉnh	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	5,050	
A	CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TW	5,050	
I	MIỀN NÚI PHÍA BẮC	1,572	
1	Hà Giang	135	
2	Tuyên Quang	83	
3	Cao Bằng	135	
4	Lạng Sơn	133	
5	Lào Cai	120	
6	Yên Bái	97	
7	Thái Nguyên	99	
8	Bắc Kạn	74	
9	Phú Thọ	139	
10	Bắc Giang	120	
11	Hoà Bình	126	
12	Sơn La	132	
13	Lai Châu	83	
14	Điện Biên	96	
II	ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG	668	
15	Hải Phòng	41	
16	Quảng Ninh	73	

TT	Tỉnh	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
17	Hải Dương	97	
18	Hung Yên	70	
19	Vĩnh Phúc	37	
20	Bắc Ninh	29	
21	Hà Nam	46	
22	Nam Định	91	
23	Ninh Bình	67	
24	Thái Bình	117	Thu hồi 75 tỷ đồng vốn ứng trước
III	MIỀN TRUNG	1,447	
25	Thanh Hoá	320	
26	Nghệ An	232	
27	Hà Tĩnh	147	
28	Quảng Bình	91	
29	Quảng Trị	69	
30	Thừa Thiên Huế	71	Thu hồi 28 tỷ đồng vốn ứng trước
31	Đà Nẵng	11	Thu hồi 11 tỷ đồng ứng trước
32	Quảng Nam	145	
33	Quảng Ngãi	105	
34	Bình Định	75	
35	Phú Yên	60	
36	Khánh Hoà	40	Thu hồi 25 tỷ đồng vốn ứng trước
37	Ninh Thuận	28	
38	Bình Thuận	53	
IV	TÂY NGUYÊN	375	

TT	Tỉnh	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
39	Đắk Lắk	83	
40	Đắk Nông	41	
41	Gia Lai	118	
42	Kon Tum	62	
43	Lâm Đồng	71	Thu hồi 45 tỷ đồng vốn ứng trước
V	ĐÔNG NAM BỘ	146	
44	Đồng Nai	49	
45	Bình Phước	53	
46	Tây Ninh	44	
VI	ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	842	
47	Long An	94	
48	Tiền Giang	76	
49	Bến Tre	99	
50	Trà Vinh	68	
51	Vĩnh Long	47	
52	Cần Thơ	19	
53	Hậu Giang	46	Thu hồi 26 tỷ đồng vốn ứng trước
54	Sóc Trăng	73	
55	An Giang	70	
56	Đồng Tháp	88	
57	Kiên Giang	68	
58	Bạc Liêu	41	
59	Cà Mau	53	